

Bản án số: 351/2017/HSST

Ngày: 19/9/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TN

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thu Huệ

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Quảng Thái

2. Bà Trần Thanh Vân

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN, tỉnh TN tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Bình Nguyên - Kiểm sát viên.

Ngày 19/9 /2017, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố TN xét xử sơ thẩm C khai vụ án hình sự thụ lý số 305/2017/HSST ngày 04/8/2017 đối với bị cáo:

Họ và tên: Dương Tiến M, sinh ngày 29/01/1983.

Nơi đăng ký NKTT và chỗ ở: tổ 23, phường QT, thành phố TN, tỉnh TN; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Văn hoá: 11/12; Nghề nghiệp: không. Con ông: Dương Ngọc V, sinh năm 1942, trú tại tổ 23, phường QT, thành phố TN, tỉnh TN; Con bà: Ngô Mộng Y(đã chết). Gia đình có 04 anh em, bị cáo là con thứ 4 trong gia đình; Có vợ là Nguyễn Thị T, sinh năm 1988; Có 01 con chung sinh năm 2009.

- Tiền án: Tại bản án số 529/2014/HSST ngày 26/9/2014 của Tòa án nhân dân thành phố TN xử phạt Dương Tiến M 24 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 24/3/2016.

Tiền sự: không

- Nhân thân: Ngày 12/11/ 2010 bị C an phường QT, thành phố TN xử phạt vi phạm hành chính 150.000 đồng về hành vi trộm cắp; Ngày 20/6/2011 UBND tỉnh TN quyết định đưa vào cơ sở giáo dục Thanh Hà thời hạn 24 tháng.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ 26/6/2017.

(Có mặt tại phiên tòa)

*** Người bị hại:** Chị Trần Thị D, sinh năm 1970;

(Có đơn xin xử vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 6, phường T, thành phố TN, tỉnh TN.

*** Người làm chứng:** Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1986; (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 8, phường QT, thành phố TN, tỉnh TN.

NHẬN THẤY

Bị cáo Dương Tiến M bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN, tỉnh TN truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Do không có tiền sử dụng ma túy, vào khoảng 19 giờ 30 phút ngày 25/6/2017, Dương Tiến M đi lang thang ở khu vực phường QT, thành phố TN với mục đích xem ai có tài sản sơ hở thì trộm cắp. Khi đi đến trước cửa sổ nhà 05, đường Lương Thế V thuộc khu vực tổ 19, phường QT, thành phố TN, M quan sát thấy trong sân nhà có dựng 01 chiếc xe đạp mi ni, tại ghi đông bên phải của xe có treo 01 chiếc túi dạng vải màu vàng (sau xác định là tài sản của chị Trần Thị D, SN: 1970, HKTT: Tổ 06, phường T, thành phố TN). M nghĩ trong chiếc túi có tiền hoặc tài sản có giá trị nên M đã nảy sinh ý định trộm cắp chiếc túi trên. M quan sát trong nhà và xung quanh không có ai, M tiến gần đến vị trí chiếc xe đạp, dùng tay phải lấy trộm chiếc túi vải màu vàng treo trên ghi đông xe rồi cho vào túi quần trước bên trái M đang mặc và đi ra hướng đường LNQ. M vừa đi vừa kiểm tra trong chiếc túi thấy có 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 1200 màu xám. Khi M đi được khoảng 50m thì bị tổ C tác của C an phường QT, thành phố TN đang tuần tra phòng chống tội phạm tại khu vực trên phát hiện bắt quả tang, thu giữ vật chứng.

Tại Kết luận số 203 ngày 28/6/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố TN kết luận: 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 1200 màu xám, số IMEI: 356850021254667, đã qua sử dụng có giá trị là 50.000 đồng.

Tại Cơ quan điều tra, Dương Tiến M đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nêu trên, lời khai nhận của bị cáo hoàn toàn phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản xác định hiện trường, sơ đồ hiện trường, lời khai của người bị hại, lời khai của người làm chứng, vật chứng thu giữ, kết luận định giá tài sản.

Vật chứng của vụ án là: 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 1200, màu xám, số IMEI: 356850021254667 đã qua sử dụng; 01 túi vải màu vàng.

Tại bản cáo trạng số 324/KSĐT- KT ngày 04/8/2017, Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN truy tố bị cáo Dương Văn M về tội Trộm cắp tài sản, theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay trong phần luận tội đối với bị cáo, đại diện viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 138, Điểm g, p Khoản 1 Điều 46, Điều 33 BLHS xử phạt bị cáo từ 9 đến 12 tháng tù giam. Thời hạn tù tính từ ngày 26/6/2017. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

- Trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bị cáo phải bồi thường nên không xem xét giải quyết.

- Vật chứng của vụ án: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1200, màu xám, số IMEI: 356850021254667 đã qua sử dụng; 01 túi vải màu vàng. Hiện đã được trả lại cho chị Trần Thị D quản lý sử dụng.

Áp dụng Điều 99 BLTTHS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án buộc bị cáo phải nộp 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí HSST vào ngân sách nhà nước.

Trong phần tranh luận, bị cáo không tranh luận thừa nhận việc truy tố là không oan, việc đưa xét xử là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để sớm đoàn tụ cùng gia đình.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đánh giá đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo, người bị hại và những người tham gia tố tụng khác.

Hội đồng xét xử;

XÉT THẤY

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay là hoàn toàn tự nguyện, khách quan, phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra và được chứng minh bằng lời khai của người bị hại, người làm chứng được thể hiện trong hồ sơ về thời gian, địa điểm xảy ra vụ án, đặc điểm, loại tài sản bị chiếm đoạt cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định:

Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 25/6/2017, tại khu vực tổ 19, phường QT, thành phố Thái Nguyên, Dương Tiến M đã có hành vi trộm cắp 01 túi vải màu vàng bên trong có 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 1200, màu xám đã qua sử dụng, trị giá tài sản là 50.000 đồng của chị Trần Thị D. M rời khỏi vị trí trộm cắp tài sản khoảng 50m thì bị tổ C tác của C an phường QT, thành phố TN phát hiện bắt quả tang, thu giữ vật chứng. Hiện tài sản đã được thu hồi và trả lại cho người bị hại là chị D quản lý, sử dụng. Chị D nhận lại tài sản và không yêu cầu gì khác.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN truy tố đối với bị cáo về tội danh và hình phạt viện dẫn là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự quy định như sau:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt, nhưng chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm...”

Tuy tài sản bị cáo M trộm cắp có giá trị dưới 2.000.000 đồng nhưng bị cáo M đã có tiền án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích nên hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu của C dân được pháp luật bảo vệ. Đồng thời gây mất trật tự trị an xã hội ở địa phương.

Xét nhân thân: Bị cáo là đối tượng nghiện ma túy, không có nghề nghiệp, không thường xuyên tu dưỡng rèn luyện bản thân, có nhân thân xấu năm 2010 bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp vật; năm 2011 bị đưa vào cơ sở giáo dục Thanh Hà, tỉnh Vĩnh Phúc với thời hạn 24 tháng về hành vi trộm cắp tài sản; năm 2014 bị Tòa án nhân dân thành phố TN xử phạt 24 tháng tù giam về cùng loại tội Trộm cắp tài sản, đến thời điểm này chưa được xóa án tích.

Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo không phải chịu tiết tăng nặng nào quy định tại Điều 48 BLHS. Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm g, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự là tài sản chiếm đoạt có giá trị không lớn và thành khẩn khai báo.

Mức hình phạt đại diện Viện kiểm sát đề nghị tại phiên tòa là phù hợp nên chấp nhận.

Bị cáo là đối tượng nghiện ma túy, hay lang thang, không có nghề nghiệp, không có tài sản gì nên miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Tài sản chiếm đoạt của chị Trần Thị D, chị D đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bị cáo phải bồi thường, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo và người bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Dương Tiến M phạm tội “ Trộm cắp tài sản”

1. Áp dụng Khoản 1 Điều 138; điểm g, p khoản 1 Điều 46, Điều 33 BLHS xử phạt: Dương Tiến M 12 (Mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 26/6/2017. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Áp dụng Điều 228 BLTTHS, Quyết định tạm giam bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận chị Trần Thị D đã nhận lại tài sản là 01 túi vải màu vàng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1200, màu xám, số IMEI: 356850021254667 đã qua sử dụng.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo phải nộp 200.000đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm vào ngân sách nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, báo cho biết có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án;

Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND thành phố TN;
- C an thành phố TN;
- Chi cục THADSTPTN;
- Sở tư pháp tỉnh TN.
- Bị cáo; Người bị hại;
- Lưu HS; Lưu BP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thu Huệ

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thu Huệ

Thành phố TN, ngày 27 tháng 3 năm 2017

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TN, TỈNH TN

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Thị Minh Hải

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Đình Đường

2. Bà Nguyễn Thị Bích Phương

Căn cứ vào Điều 199 và Điều 222 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Ngày 27 tháng 3 năm 2017, tại phòng nghị án, Hội đồng xét xử hình sự sơ thẩm đã tiến hành nghị án đối với vụ án: Nguyễn Thị Tần bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN, tỉnh TN truy tố về tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo tại phiên toà; Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề phải giải quyết trong vụ án hình sự như sau:

1. Về tội danh: Bị cáo Nguyễn Thị Tần, phạm tội: “ Trộm cắp tài sản”.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

2. Về điều luật áp dụng: Áp dụng Khoản 1 Điều 138; điểm g, p khoản 1 Điều 46 BLHS; Điều 41 BLHS, Điều 76 BLTTHS; Điều 228 Bộ luật Tố tụng

hình sự; Điều 99 BLTTHS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu án phí và lệ phí Toà án

Kết quả biểu quyết: 3/3.

3. Về mức hình phạt: Xử phạt: Nguyễn Thị Tần 09 (Chín) tháng tù giam, thời hạn tù tính từ ngày 24/12/2016. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Quyết định tạm giam bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để đảm bảo thi hành án.

Kết quả biểu quyết: 3/3

4. Về các vấn đề khác:

- Vật chứng: Áp dụng Điều 41 BLHS, Điều 76 BLTTHS: Tịch thu sung quỹ Nhà nước 95.000đồng (Chín mươi lăm ngàn đồng) tiền thu lời bất chính của bị cáo Tần.

Số tiền trên hiện đang được lưu giữ trong tài khoản của Chi cục thi hành án dân sự thành phố TN, tỉnh TN theo Ủy nhiệm chi số 22 ngày 03/3/2017 (Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản số 165 ngày 08 tháng 3 năm 2017).

Truy thu sung quỹ nhà nước 255.000đồng (Hai trăm năm mươi lăm ngàn đồng)

- Trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu gì nên không giải quyết.

- Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo phải nộp 200.000đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm vào ngân sách nhà nước.

- Về quyền kháng cáo: Án xử C khai sơ thẩm có mặt bị cáo, báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án;

Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc được niêm yết.

Biểu quyết: 3/3

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Minh Hải

